

MỘT SỐ "BÃY" ĐÁNH BẮT CÁ CỦA DÂN TỘC THÁI

LÊ DŨNG

Dân tộc Thái vùng tây bắc ngoài định cư trên bốn cánh đồng rộng lớn: Mường Thanh, Mường Lò, Mường Tấc, Mường Than, còn sống trên những thung lũng nhỏ, bên bờ những con ngòi, con suối lớn. Người Thái giỏi việc trị thủy, đắp đập, khơi mương, đưa nước nơi thấp lên nơi cao. Việc trị thủy được đúc rút trong câu : "Mường, Phai, Lái, Lin". Họ còn có thành ngữ :

"Xá kin toi phay.

Tay kin toi nậm".

(Người Xá làm ăn theo lúa của nương rẫy,

người Thái làm ăn theo nước của những con ngòi, con suối).

Để hiểu rõ hơn cung cách "làm ăn theo nước", chúng tôi xin giới thiệu một số cung cách đánh, bẫy, bắt cá của dân tộc Thái vùng Tây Bắc.

Xuôi theo những con ngòi, hay ngược theo những dòng suối của vùng tây bắc để xem xét cách đánh bắt cá của họ, ta càng hiểu thêm câu tục ngữ của người Thái :

"Pay tang Nậm, bố lầy chằm, cả lầy chí".

(Đi theo đường nước không được chằm cũng được cái nường).

Câu tục ngữ này khẳng định việc đánh, bẫy, bắt cá trên suối, ngòi của người Thái thường có kết quả.

Bên cạnh cách đánh bắt cá bằng quăng chài, thả lưới rất phổ thông với nhiều dân tộc, tôi xin giới thiệu một số cách "bẫy" cá tiêu biểu truyền thống của dân tộc Thái.

1. Chặng

1.1. Thời gian làm chặng

Từ tháng 2 âm lịch, để đón những cơn mưa mùa hạ, vì khi nước lên cá sẽ ngược dòng để đẻ, kiếm mồi. Khi nước rút cá sẽ theo đàn xuôi theo nước và chặng là cái bẫy để đón những đàn cá này.

1.2. Địa điểm làm chặng

Chặng thường làm ở những chỗ nước nông, chảy xiết (hát) trên các đoạn mương, ngòi, hoặc sau các vực, vũng sâu.

1.3. Vật liệu

Vật liệu chủ yếu là tre, nứa, gỗ, đá suối. Quan trọng nhất là ống chặng. Ống làm bằng thân cây gỗ gạo dài 3 - 4m, đường kính 30 - 40 cm. Đoạn gỗ này được bỏ đôi khoét rộng sau đó chập lại tạo thành chiếc ống rộng. Cá sẽ bị hút vào ống này và phía sau ống là chiếc đò đón cá.

1.4. Cách làm:

- Đan các phen nứa như phen rào, tạo các ô trống là 10cm x 10 cm cao khoảng 60cm. Lưu ý các bụng nứa màu trắng ở cùng một phía (cá sợ màu trắng không dám qua các phen nứa). (Xem hình 1).

- Đan rọ đá: ống nứa dài 2,5m - 3m chẻ ra 6 hoặc 8 nan làm nan công. Sau đó lấy nan nứa đan cuốn kép trên 8 nan công tạo thành các rọ đá. Những rọ này xếp đá vào

tạo thành trụ vững chắc. Giữa các trụ được liên kết với nhau bằng thân cây gỗ, tre, hóp nhằm gá những tấm phên đan (Xem hình 2).

- Đặt ống chặng: đây là khâu kỹ thuật nhất của bẫy. Miệng ống chặng đặt chìm sâu khoảng 20 cm dưới nước, khu miệng ống chặng tạo dòng xoáy bất ngờ, cá chỉ cần lướt qua đã bị hút vào ống chặng. Để giảm lực cản của nước, tạo cái phên chắn và bố trí các rọ đá theo hình chữ V. Điểm giao của chữ V là nơi đặt ống chặng (Xem hình 3).

- Phía cuối của ống chặng là chiếc đá (Xem hình 4). Đá đan bằng nửa dài khoảng 2m, tạo các ô nhỏ, cá bé cho lọt qua vì mục đích tạo dòng chảy của ống chặng là bắt những con cá lớn. Khó nhất là việc đặt ống chặng tạo dòng nước mạnh, áp lực lớn, cá đã vào đó không thể ngược ống lên được. Chiếc đá có thể chứa tới 1 hoặc 2 yển cá. Khi đầy cá, phải đổ cá ra và mắc đá vào sau ống chặng. Cá ở các suối, ngòi vùng tây bắc chủ yếu là *Pakhinh*, *pa chát*, *pa há*, *pa do*, *páan*, *pa tét*.

2. Tóong

Là một dạng bẫy bắt cá có hiệu quả không kém gì chặng, nhưng phải canh, rình khi cá xuống để sập bẫy (đem canh phải dùng đèn mới quan sát được cá).

2.1. *Vật liệu*: tre, nửa, gỗ dùng làm rọ đá, đan phên như làm chặng.

2.2. *Địa điểm*: làm sau cái vũng sâu (vực hoặc văng), thế nước xiết (hát) (Xem hình 6).

2.3. *Thời gian*: Làm từ tháng 3 tới tháng 6 âm lịch. Cá lúc này chủ yếu xuôi dòng và theo đàn.

2.4. *Cách làm và bắt cá*: các rọ đá và phên chắn theo hình chữ V. Điểm giao của chữ V là 1 chiếc cửa lùa được sập từ trên xuống, mục đích ngăn nước không cho chảy qua. Và cá không ngược lên được, phía dưới là tấm phên đan theo hình chữ U thoát nước nhanh và, giữ cá lại, phía dưới là một chiếc đá hứng cá. Khu vực bẫy tạo thế cao hơn mực nước phía dưới để khi sập cửa lùa nước thoát hết chỉ còn lại cá. Người phục (rình) phải ngồi ở điểm nút chỗ cửa sập khi thấy đàn cá qua phải sập bẫy ngay nếu không cá thấy đó chắn ở phía dưới sẽ quay ngược trở lại. Những đàn cá lớn khi xuống bẫy cũng được 1 hoặc 2 yển cá. Chặng và tóong làm mất nhiều công và phải thường xuyên tu bổ sau các trận lũ, nên phải vài ba gia đình cùng làm mới đảm bảo nhân lực.

3. Ka pố

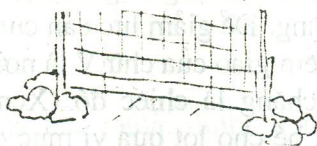
Ka Pố chủ yếu là bẫy cá *Pa bú* (cá bóng đỏ) nhỏ bằng ngón tay, thịt thơm ngon (Xem hình 7)..

3.1. *Vật liệu làm*: nửa bồ đôi, đập dập đan thành hình chiếc bù dài, dài 2-3m, miệng của *ka pố* là 1 hình tam giác đều mỗi chiều khoảng 2m. Có thể đan theo hình cuốn nong một hoặc nong đôi.

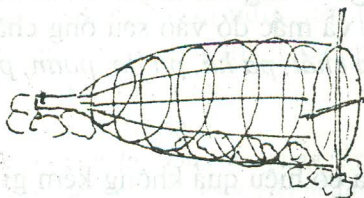
3.3. *Thời gian*: thả bẫy vào mùa hè, nắng to, từ tháng 3 tới tháng 6 âm lịch.

3.4. *Cách đánh bắt*: *ka pố* được đặt xuống chỗ nước sâu chừng 1 tới 1,5m khi phát hiện thấy các đàn cá bóng đỏ xuất hiện. Miệng của *ka pố* đặt xuôi theo dòng nước, phía trong đặt 1 ít rom khô tạo mùi thơm, gài theo một số cành lá tươi như cành vối, cành roi. 3 cạnh của *ka pố* chẹn đá để không bị trôi. Tới mùa hè nóng bức cá *pa bú* thấy mùi thơm của rom và râm mát kéo cả đàn về trú và kiếm ăn. Người đánh bẫy kéo *ka pố* nhẹ nhàng và xoay miệng lên trên. Thế là cả đàn, cá nằm gọn trong *ka pố*. Sau đó kéo vào bờ cát và bắt cá. Bắt xong lại tiếp tục thả *ka pố* xuống nước. Có thể thay đổi địa

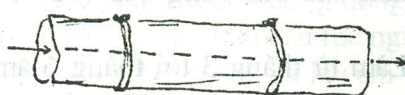
điểm đặt ka pô luôn luôn để bắt các đàn cá khác. Mỗi đàn cá *pa bú* có thể đến 200 con. Thời gian kéo ka pô tùy theo nhưng theo kinh nghiệm chỉ kéo vào lúc 12 giờ đổ về chiều. Khi đó nắng to, cá sẽ trú đông hơn.



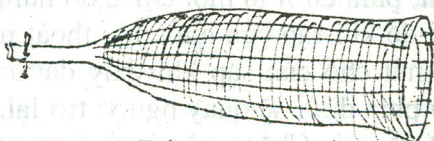
Hình 1. Phên nửa



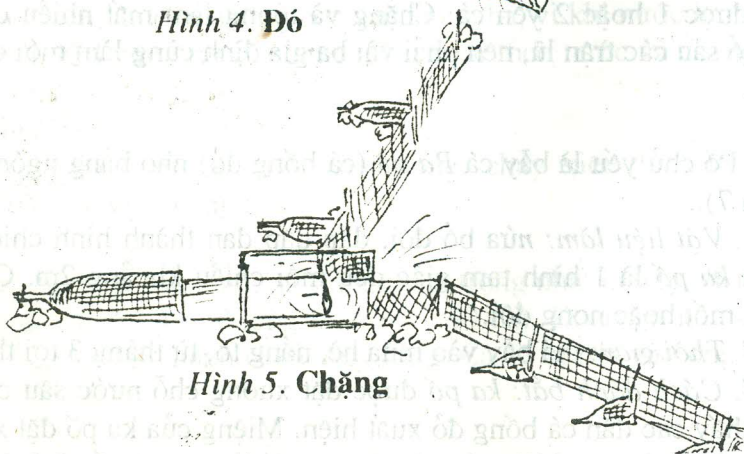
Hình 2. Rọ đá



Hình 3. Ổng chặng



Hình 4. Đó



Hình 5. Chặng

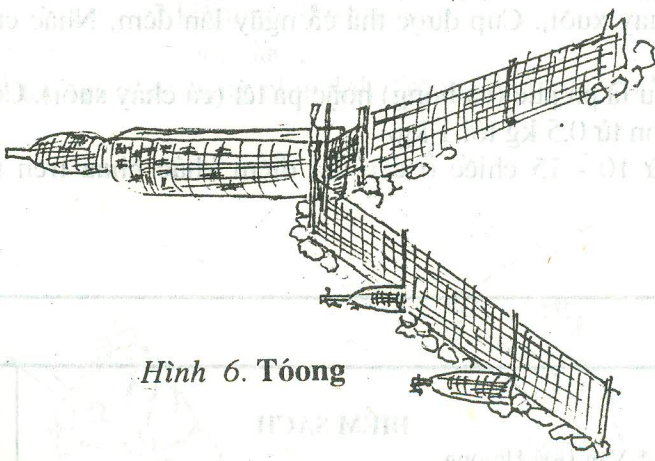
4. Ve

Là một loại bẫy cá dùng kết hợp với chài (Xem hình 8).

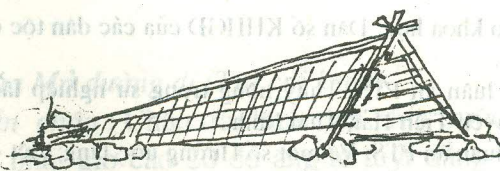
4.1. Địa điểm đặt bẫy: ve thường làm chỗ nước lặng, sâu từ 1 tới 1,5m.

4.2. Mùa đặt bẫy: sau các cơn lũ, nước còn đục, khoảng tháng 3 tới tháng 7. Chủ yếu bẫy cá pa nay, pa pục, pa tét.

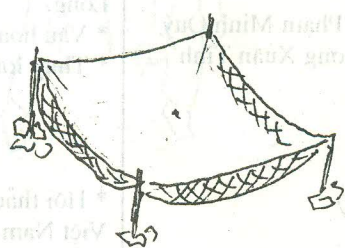
4.3. Cách làm: chỗ nước lặng, sâu 1-1,5m đóng bốn cọc nửa hoặc gỗ tạo thành hình vuông mỗi cạnh 2m x 2m. Giữa bốn cọc được nối với nhau bằng 4 đoạn nửa, các đoạn nửa đặt cách mặt nước 30 cm - 40cm. Chài được giương ra đều 4 điểm (A B C D) gài nhẹ vừa đủ giữ cho chài không tụt xuống. Từ 4 điểm (A B C D) của chài được nối với mỗi để nhử cá. Mỗi chủ yếu là ngô non luộc chín. Từng hạt ngô được xiên vào dây thép nhỏ. Cá phát hiện mỗi giật mạnh, chài chụp xuống, cá sẽ nằm gọn trong chài. Thông thường chài sập xuống chỉ bắt được 1 con cá nhưng cá lớn từ 1 - 2 kg. Bắt cá xong lại tiếp tục gài mỗi và giương bẫy. Cách bẫy này có thể thay đổi vị trí luôn (Hình 8).



Hình 6. Tóong



Hình 7. Ca pố



Hình 8. Ve

5. Bẫy cá trong hang bằng chài

5.1. *Địa điểm làm bẫy*: nơi vực, vũng sâu khoảng 1,5 tới 2m nước.

5.2. *Cách làm*: xếp đá tạo thành hang (hang nhân tạo). Đặt vào bên trong 1 hoặc 2 chiếc xương trâu, bò, mục đích tạo mùi vị như cá tới. Tùy theo chài to hay nhỏ mà xếp hang cho vừa đủ chài trùm kín hang.

5.3. *Cách bắt*: sau 4 tới 5 ngày, dùng chài bọc kín hang đá đó. Hụp lặn gỡ từng hòn đá trong hang ra một. Số cá có trong hang sẽ nằm gọn trong chài. Lặn xuống theo chân chài lại và ôm chài lên bờ để bắt cá trong chài ra. Cá bẫy ở hang kiểu này chủ yếu là cá ngạnh, cá quất.

Bí quyết của loại bẫy này là phải phát hiện được đoạn suối có loại cá hay ăn ở hang như cá ngạnh và cá quất.

6. Cúp

6.1. *Cách làm*: đan những chiếc đó lớn dài tới 1,5m - 2m, miệng đó rộng tới 30cm có hom thưa.

6.2. *Địa điểm thả cúp*: thả ở nơi dòng nước chảy, cá hay đi lại. Lưu ý miệng cúp để xuôi theo dòng nước vì chủ yếu đón những đàn cá ngược dòng nước. Trong cúp thả một lơ lửng ở giữa (hạt ngô non luộc chín). Cá vào cúp ăn no xong vẫn có tư thế vượt dòng nước không quay xuôi. Cúp được thả cả ngày lẫn đêm. Nhấc cúp vào buổi sáng hoặc buổi chiều.

Cá vào cúp chủ yếu là pa pục (cá bống) hoặc pa tét (cá chày suối). Có khi cá vào cúp tới hai, ba con mỗi con từ 0,5 kg tới 1 kg.

Cúp thường thả từ 10 - 15 chiếc ở các địa điểm khác nhau trên những khúc nương, khúc suối.

(tiếp trang 82)

ĐIỂM SÁCH				
56	Bùi Xuân Đỉnh	* Văn Hoá Hmông	1	77 - 79
57	Vũ Thư Hiên	* Văn hoá cộng đồng làng vùng đồng bằng Sông Cửu Long.	4	83 - 84
58	Lê Phạm Minh Quý	* Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên.	3	78 - 79
59	Vương Xuân Tình	* Thủy lợi và quan hệ làng xã.	2	84 - 84
TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC				
60	P.V	* Hội thảo khoa học: Dân số KHHGD của các dân tộc ở Việt Nam.	1	80
61	P.V	* Bảo vệ luận án PTS: Thủy nông trong sự nghiệp lấn biển ở huyện Tiên Hải, Thái Bình.	1	80
62	P.V	* Bảo vệ luận án PTS: Về một số Hương ước làng Việt ở đồng bằng Bắc Bộ.	1	80
63	P.V	* Bảo vệ luận án PTS: Về việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ở dân tộc Tày, Nùng miền núi phía Bắc Việt Nam.	2	87